

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày 17 - 6 - 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ái Vy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**

Bà **Trần Thị Hiến**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Gia Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông **Triệu Hoàng Hùng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày **16 và 17** tháng **6** năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **180/2020/TLST-DS** ngày **09** tháng **11** năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXX-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần T

Địa chỉ: 198 TQK, Quận H, thành phố N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Xuân Thành** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn D** - Trưởng phòng giao dịch Ninh Hòa thuộc Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh Khánh Hòa.

Địa chỉ liên lạc: 668 đường 2/4, phường H, thị xã N, Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền số 656/UQ-KH.KHH ngày 06/10/2020).

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị Phương D** - sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã N, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Ngọc B** - sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã N, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/10/2020, bản tự khai ngày 16/11/2020 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày: Ngày 01/3/2019, bà Trần Thị Phương D đã ký Hợp đồng tín dụng số 191/2019-NH với Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh Khánh Hòa - Phòng giao dịch N để vay số tiền là 115.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất 9,7%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 01/02/2020. Để đảm bảo cho khoản vay, bà Trần Thị Phương D và ông Nguyễn Ngọc B đã ký hợp đồng thế quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 130/2017-NH ngày 13/3/2017 để thế chấp tài sản là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 121, diện tích 278,4m² tại thôn B, xã T, thị xã N, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00173 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 15/11/2016 đứng tên bà Trần Thị Phương D, ông Nguyễn Ngọc B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà D đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.827.407 đồng. Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần liên lạc và thông báo về việc nợ quá hạn của bà D nhưng bà D cố tình trốn tránh. Tính đến ngày 16/6/2021, bà D nợ Ngân hàng thương mại cổ phần T tổng số tiền là 136.822.747 đồng, trong đó nợ gốc: 113.172.593 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.174.096 đồng và nợ lãi quá hạn: 7.476.058 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Phương D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số nợ là 136.822.747 đồng (trong đó nợ gốc: 113.172.593 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.174.096 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.476.058 đồng) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 17/6/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 191/2019-NH ngày 01/3/2019 cho đến khi trả hết số nợ gốc cho Ngân hàng.

Trường hợp bà D không thanh toán nợ số nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N kê biên, bán tài sản thế chấp là thửa đất số số 42, tờ bản đồ số 121, diện tích 278,4 m² tại thôn B, xã T, thị xã N, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00173 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 15/11/2016 đứng tên bà Trần Thị Phương D, ông Nguyễn Ngọc B để thi hành khoản nợ cho Ngân hàng.

Đối với số tiền lệ phí đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T tự nguyện chịu toàn bộ.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Trần Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc B vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân thị xã N đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn bà Trần Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

ông Nguyễn Ngọc B chưa chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lí do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy bị đơn bà Trần Thị Phương D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Trần Thị Phương D thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tính đến ngày 16/6/2021 là 136.822.747 đồng (trong đó nợ gốc: 113.172.593 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.174.096 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.476.058 đồng) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 17/6/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 191/2019-NH ngày 01/3/2019 cho đến khi trả hết số nợ gốc cho Ngân hàng.

Nếu bà D không thanh toán hết số tiền nêu trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N kê biên, bán tài sản thế chấp là thửa đất số số 42, tờ bản đồ số 121, diện tích 278,4 m² tại thôn B, xã T, thị xã N, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00173 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 15/11/2016 đứng tên bà Trần Thị Phương D, ông Nguyễn Ngọc B để đảm bảo thi hành án.

Trường hợp bà Trần Thị Phương D thanh toán xong các khoản tiền gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì Ngân hàng trả lại cho bà D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00173 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 15/11/2016 đứng tên bà Trần Thị Phương D và ông Nguyễn Ngọc B cho bà D, ông B.

Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Phương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trần Thị Phương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T và bị đơn bà Trần Thị Phương D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 01/3/2019, bà Trần Thị Phương D đã ký Hợp đồng tín dụng số 191/2019-NH với Ngân hàng thương mại cổ phần T - Chi nhánh

Khánh Hòa - Phòng giao dịch N để vay số tiền là 115.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn phát triển kinh tế hộ gia đình, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất 9,7%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 01/02/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà D thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 1.827.407 đồng nhưng sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển nợ gốc và lãi sang nợ quá hạn. Mặc dù đã được Ngân hàng thông báo nhiều lần về việc trả nợ nhưng bà D cố tình trốn tránh không thực hiện. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà D phải thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày 16/6/2021 là 136.822.747 đồng (trong đó nợ gốc: 113.172.593 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.174.096 đồng, nợ lãi quá hạn: 7.476.058 đồng) và các khoản lãi phát sinh tính từ ngày 17/6/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 191/2019-NH ngày 01/3/2019 cho đến khi trả hết số nợ gốc cho Ngân hàng.

[4] Xét hợp đồng tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 191/2019-NH được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần T và bị đơn bà Trần Thị Phương D trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung, hình thức nên được thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia trong giao dịch này có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết nói trên. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần T yêu cầu bà Trần Thị Phương D phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

[5] Về xử lý tài sản thế chấp: Tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay trên là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 121, diện tích 278,4 m² tại thôn B, xã T, thị xã N, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00173 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 15/11/2016 đứng tên bà Trần Thị Phương D và ông Nguyễn Ngọc B. Hợp đồng thế chấp số 130/2017-NH ngày 13/3/2017 có công chứng, chứng thực và có đăng ký giao dịch bảo đảm nên có giá trị thi hành. Do đó, trong trường hợp bà Trần Thị Phương D không thanh toán được khoản nợ nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự thị xã N kê biên, bán tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí. Tổng chi phí là 2.000.000 đồng, số tiền này nguyên đơn đã tạm ứng nên buộc bị đơn bà Trần Thị Phương D phải trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T.

[7] Về án phí: Bị đơn bà Trần Thị Phương D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật ($136.822.747 \times 5\% = 6.841.137$ đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 180, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 56, Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T.

Buộc bà Trần Thị Phương D phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền là 136.822.747đ (*Một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc: 113.172.593 đồng, nợ lãi trong hạn: 16.174.096 đồng và nợ lãi quá hạn: 7.476.058 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Phương D còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 191/2019-NH ngày 01/3/2019.

Sau khi bà Trần Thị Phương D thanh toán xong các khoản tiền gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần T thì Ngân hàng trả lại cho bà D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00173 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 15/11/2016 đứng tên bà Trần Thị Phương D và ông Nguyễn Ngọc B cho bà D, ông B.

Trường hợp bà Trần Thị Phương D không thanh toán được khoản nợ nói trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N kê biên, bán tài sản thế chấp là thửa đất số 42, tờ bản đồ số 121, diện tích 278,4 m² tại thôn B, xã T, thị xã N, Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00173 do Ủy ban nhân dân thị xã N cấp ngày 15/11/2016 đứng tên bà Trần Thị Phương D và ông Nguyễn Ngọc B để thu hồi nợ.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị Phương D phải trả lại 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền chi phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần T.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Phương D nộp 6.841.137 đồng (*Sáu triệu tám trăm bốn mươi một nghìn một trăm ba mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T 3.132.000 đồng (*Ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0004575 ngày 05/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chung

Trần Thị Hiến

Đặng Thị Ái Vy